

TẬP ĐOÀN
BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM
**HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ
BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG**

SỐ: 160/QĐ - HV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc
-----o0o-----

Hà Nội, ngày 21 tháng 3 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

V/v Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp Đại học chính quy – Đợt 2 Tháng 3. 2012

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

Căn cứ quyết định số 229/QĐ-TCCB/HĐQT ngày 09/9/1997 của Hội đồng Quản trị Tổng công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông;

Căn cứ Quy chế đào tạo, đại học cao đẳng hệ chính quy ban hành kèm theo quyết định số 25/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 26/6/2006 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy định đào tạo liên thông trình độ cao đẳng, đại học ban hành kèm theo quyết định số 06/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 13/2/2008 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng xét tốt nghiệp đại học, cao đẳng của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông ngày 15/03/2012;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo và Khoa học Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Nay công nhận và cấp bằng tốt nghiệp **Đại học chính quy – Đợt 2 Tháng 3.2012** cho **243 sinh viên** hệ liên thông từ cao đẳng lên đại học khóa 2009 của Cơ sở Học viện tại Tp. Hồ Chí Minh, bao gồm:

- Ngành Điện tử viễn thông: **136 sinh viên** (danh sách kèm theo)
- Ngành Công nghệ thông tin : **102 sinh viên** (danh sách kèm theo)
- Ngành Quản trị kinh doanh : **05 sinh viên** (danh sách kèm theo)

Điều 2: Thời gian công nhận tốt nghiệp được tính kể từ ngày ký Quyết định.

Điều 3: Phó Giám đốc Học viện phụ trách cơ sở Học viện tại Tp. Hồ Chí Minh; Chánh văn phòng Trưởng các phòng: ĐT&KHVN, KTTC, ĐT&KHVN HVCS, KHTH, GV&CTSV HVCS; Trưởng các đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên trong Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Tập đoàn BCVTN (để b/c);
- Giám đốc HV (để b/c);
- Lưu VT, ĐT&KHVN (04 bản).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TS. Vũ Tuấn Lâm

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC
(Kèm theo Quyết định số 160 /QĐ-HV ngày 24 tháng 03 năm 2012 của Giám đốc Học viện)

Khóa: 2009

Hệ đào tạo: Liên thông từ Cao đẳng lên Đại học

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đơn vị đào tạo: Cơ sở Học viện tại Tp. Hồ Chí Minh

Ngành đào tạo: Điện tử viễn thông

TT	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB	Xếp loại	Ghi chú
1	Đỗ Công Bình	Nam	12/04/1987	Tp.HCM	6.95	TB.Khá	Đ09VTH1
2	Triệu Công Cẩn	Nam	06/12/1985	Thái Bình	6.60	TB.Khá	nt
3	Phạm Việt Cường	Nam	21/10/1986	Bình Định	6.63	TB.Khá	nt
4	Nguyễn Khánh Du	Nam	08/11/1985	Thuận Hải	7.00	Khá	nt
5	Trần Thái Dương	Nam	13/09/1987	Tp.HCM	6.91	TB.Khá	nt
6	Nguyễn Đức Hiếu	Nam	07/07/1987	Minh Hải	7.56	Khá	nt
7	Tiêu Thị Thanh Huệ	Nữ	10/11/1987	Quảng Ngãi	7.32	Khá	nt
8	Phạm Hoàng Khanh	Nam	15/08/1987	Hậu Giang	6.85	TB.Khá	nt
9	Trần Nguyễn Trường Lâm	Nam	26/04/1975	Gia Lai	7.14	Khá	nt
10	Nguyễn Duy Linh	Nam	04/09/1987	Đồng Nai	6.20	TB.Khá	nt
11	Trần Mạnh Linh	Nam	08/06/1987	Đắk Lắk	6.69	TB.Khá	nt
12	Nguyễn Đức Lộc	Nam	04/09/1987	Tp.HCM	6.16	TB.Khá	nt
13	Tạ Đức Lộc	Nam	01/11/1987	Tp.HCM	6.60	TB.Khá	nt
14	Đỗ Hữu Nghị	Nam	18/01/1986	Bến Tre	6.45	TB.Khá	nt
15	Trần Thị Bảo Ngọc	Nữ	26/04/1985	TP.HCM	6.75	TB.Khá	nt
16	Ngô Ngọc Nhân	Nam	18/11/1986	Đà Nẵng	6.63	TB.Khá	nt
17	Nguyễn Thị Thùy Nhiếp	Nữ	03/04/1987	Phú Khánh	6.69	TB.Khá	nt
18	Bùi Hồng Phúc	Nam	28/11/1987	Long An	6.56	TB.Khá	nt
19	Trần Hữu Phước	Nam	07/10/1981	Tp.HCM	6.49	TB.Khá	nt
20	Đinh Kim Sơn	Nam	05/02/1982	Tp.HCM	6.51	TB.Khá	nt
21	Đinh Văn Sơn	Nam	01/07/1984	Nghĩa Bình	6.58	TB.Khá	nt
22	Hoàng Mạnh Tiến	Nam	10/12/1986	Tp.HCM	6.48	TB.Khá	nt
23	Trương Quốc Toàn	Nam	29/01/1986	Lâm Đồng	6.95	TB.Khá	nt
24	Đinh Duy Trinh	Nam	20/04/1986	Quảng Ngãi	6.64	TB.Khá	nt
25	Nguyễn Ngọc Tú	Nữ	01/12/1987	Tp.HCM	7.02	Khá	nt
26	Nguyễn Văn Tuấn	Nam	05/05/1986	Nam Định	6.85	TB.Khá	nt

TT	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB	Xếp loại	Ghi chú
27	Nguyễn Thanh Tùng	Nam	6/06/1986	Ninh Thuận	6.74	TB.Khá	Đ09VTH1
28	Nguyễn Tấn Tô Viên	Nam	28/07/1987	Ninh Thuận	6.50	TB.Khá	nt
29	Phan Văn Chiến	Nam	10/05/1988	Thừa Thiên Huế	7.67	Khá	Đ09VTH2
30	Nguyễn Trung Danh	Nam	12/07/1988	Tp.HCM	7.11	Khá	nt
31	Huỳnh Khánh Duy	Nam	20/04/1988	Tp.HCM	6.45	TB.Khá	nt
32	Vũ Hà Duyên	Nữ	15/09/1987	Quảng Ngãi	7.88	Khá	nt
33	Nguyễn Quốc Đoàn	Nam	07/02/1989	Nghệ Tĩnh	7.31	Khá	nt
34	Vũ Minh Đức	Nam	05/04/1973	Hà Sơn Bình	6.99	TB.Khá	nt
35	Võ Văn Găng	Nam	02/12/1987	Long An	6.8	TB.Khá	nt
36	Đặng Văn Hiệp	Nam	21/10/1988	Đắk Lắk	7.4	Khá	nt
37	Hoàng Minh Hiếu	Nam	28/03/1985	Đồng Nai	6.18	TB.Khá	nt
38	Nguyễn Việt Trọng	Nam	09/06/1988	Bến Tre	7.14	Khá	nt
39	Phạm Hoài Khánh	Nam	15/09/1988	Vĩnh Long	7.47	Khá	nt
40	Phan Việt Khánh	Nam	14/10/1983	Cửu Long	6.69	TB.Khá	nt
41	Hoàng Tiến Khiếu	Nam	19/05/1988	Hà Sơn Bình	7.03	Khá	nt
42	Lê Đăng Khoa	Nam	10/06/1987	Phú Khánh	6.94	TB.Khá	nt
43	Nguyễn Thanh Lịch	Nam	20/10/1988	Đắk Lắk	7.18	Khá	nt
44	Phạm Thị Trúc Loan	Nữ	19/10/1988	Tp.HCM	7.32	Khá	nt
45	Hoàng Đình Long	Nam	28/02/1988	Phú Khánh	7.42	Khá	nt
46	Nguyễn Hữu Mạnh	Nam	20/12/1988	Thuận Hải	6.91	TB.Khá	nt
47	Trần Hữu Nghĩa	Nam	04/10/1988	Tiền Giang	7.24	Khá	nt
48	Nguyễn Bình Nguyên	Nam	11/12/1987	Tây Ninh	7.23	Khá	nt
49	Trương Thanh Phương	Nam	10/09/1988	Đồng Nai	7.05	Khá	nt
50	Trương Hoàng Quy	Nam	09/09/1977	Đồng Tháp	7.43	Khá	nt
51	Nguyễn Thị Thu Thảo	Nữ	24/04/1988	Bình Phước	7.15	Khá	nt
52	Nguyễn Đắc Thọ	Nam	19/12/1987	Lâm Đồng	6.9	TB.Khá	nt
53	Trần Thông	Nam	01/10/1988	Long An	7.2	Khá	nt
54	Nguyễn Thị Thu	Nữ	06/04/1988	Quảng Ninh	7.26	Khá	nt
55	Nguyễn Vinh Thuyên	Nam	22/09/1988	Tp.HCM	7.08	Khá	nt
56	Trần Thị Thu Trang	Nữ	18/08/1985	Cửu Long	6.4	TB.Khá	nt
57	Nguyễn Duy Tường	Nam	09/08/1979	Hà Tĩnh	7.15	Khá	nt
58	Lê Văn Tường	Nam	10/05/1984	Quảng Ngãi	6.48	TB.Khá	nt
59	Lê Nguyễn Thanh Vi	Nữ	21/12/1988	Tp.HCM	7.59	Khá	nt

TT	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB	Xếp loại	Ghi chú
60	Lê Hoàng Bình	Nam	14/10/1988	Tp.HCM	6.77	TB.Khá	Đ09VTH3
61	Nguyễn Văn Bình	Nam	19/07/1984	Thanh Hóa	6.72	TB.Khá	nt
62	Lê Quốc Dũng	Nam	17/08/1987	Sông Bé	6.98	Khá	nt
63	Nguyễn Minh Điện	Nam	15/10/1988	Trà Vinh	6.67	TB.Khá	nt
64	Võ Thúy Hằng	Nữ	11/12/1988	Đắk Lắk	6.85	TB.Khá	nt
65	Nguyễn Thị Ngọc Hạnh	Nữ	02/07/1988	Đồng Tháp	7.24	Khá	nt
66	Sái Văn Kết	Nam	05/08/1988	Ninh Bình	7.02	Khá	nt
67	Trương Quang Khánh	Nam	06/09/1988	Tp.HCM	7.01	Khá	nt
68	Huỳnh Anh Ngọc	Nam	27/06/1987	Tây Ninh	6.20	TB.Khá	nt
69	Nguyễn Hoàng Nhu	Nam	17/03/1987	Bến Tre	7.02	Khá	nt
70	Thạch Hồng Nữ	Nữ	23/04/1987	Tiền Giang	6.38	TB.Khá	nt
71	Phùng Quốc Phong	Nam	20/05/1987	Tp.HCM	6.77	TB.Khá	nt
72	Phan Huỳnh Phú	Nam	05/10/1985	Đắk Lắk	6.61	TB.Khá	nt
73	Nguyễn Hữu Minh Phương	Nữ	31/01/1987	Thừa Thiên Huế	6.18	TB.Khá	nt
74	Trần Nguyễn Huy Quang	Nam	20/02/1982	Tp.HCM	6.02	TB.Khá	nt
75	Phạm Phú Quốc	Nam	10/07/1988	Gia Lai - Kon Tum	6.59	TB.Khá	nt
76	Hồ Thị Ngọc Quyên	Nữ	06/07/1987	Phú Khánh	7.01	Khá	nt
77	Nguyễn Thanh Sang	Nam	05/02/1984	Đắk Lắk	6.42	TB.Khá	nt
78	Vũ Phú Sang	Nam	11/11/1988	Thanh Hóa	6.83	TB.Khá	nt
79	Nguyễn Ngọc Sơn	Nam	27/05/1988	Lâm Đồng	7.27	Khá	nt
80	Trần Thị Ngọc Sương	Nữ	11/08/1983	Sông Bé	7.42	Khá	nt
81	Nguyễn Toàn Thắng	Nam	05/04/1983	Đồng Nai	6.63	TB.Khá	nt
82	Nguyễn Thị Thanh	Nữ	02/06/1987	Tây Ninh	6.84	TB.Khá	nt
83	Bùi Quang Chí Thiện	Nam	08/05/1988	Lâm Đồng	6.97	TB.Khá	nt
84	Lý Trí Tfn	Nam	18/05/1983	Tiền Giang	6.60	TB.Khá	nt
85	Nguyễn Văn Toàn	Nam	25/03/1988	Cần Thơ	6.47	TB.Khá	nt
86	Đinh Cao Trí	Nam	08/11/1986	Đồng Nai	7.05	Khá	nt
87	Võ Quang Trung	Nam	05/05/1988	Tp.HCM	6.86	TB.Khá	nt
88	Nguyễn Thanh Nhật Trường	Nam	07/11/1987	Tp.HCM	7.41	Khá	nt
89	Hồ Anh Tuấn	Nam	18/04/1987	Nghệ An	6.48	TB.Khá	nt
90	Võ Hoàng Long Tuấn	Nam	25/11/1988	Bến Tre	6.59	TB.Khá	nt
91	Vương Thị Ái Vi	Nữ	02/09/1988	Bình Định	6.80	TB.Khá	nt
92	Huỳnh Long Việt	Nam	20/03/1986	Bình Định	6.90	TB.Khá	nt

TT	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB	Xếp loại	Ghi chú	
93	Nguyễn Mai Phúc	Vinh	Nam	10/03/1988	Đồng Nai	7.19	Khá	Đ09VTH3
94	Nguyễn Thế	Anh	Nam	20/01/1987	Hà Tĩnh	6.28	TB.Khá	Đ09VTH4
95	Nguyễn Văn	Bắc	Nam	19/01/1982	Bắc Thái	5.68	Trung bình	nt
96	Lê Tiến	Dũng	Nam	01/08/1981	Phú Khánh	5.83	Trung bình	nt
97	Lê Phạm Ngọc	Duy	Nam	27/09/1985	Phú Khánh	5.98	Trung bình	nt
98	Nguyễn Thị Thanh	Duyên	Nữ	12/06/1988	Đà Nẵng	7.35	Khá	nt
99	Lê Thanh	Hà	Nam	25/02/1985	Nghệ Tĩnh	5.93	Trung bình	nt
100	Trương Văn	Hải	Nam	10/06/1985	Phú Khánh	6.72	TB.Khá	nt
101	Đoàn Thanh	Hảo	Nữ	09/11/1986	Nghệ An	6.41	TB.Khá	nt
102	Nguyễn Văn	Hiền	Nam	30/04/1984	Phú Khánh	6.15	TB.Khá	nt
103	Trần Thị	Hiền	Nữ	17/12/1987	Gia Lai Kon Tum	7.61	Khá	nt
104	Vũ Xuân	Hiệp	Nam	13/03/1988	Thái Bình	6.16	TB.Khá	nt
105	Trương Quang	Hiếu	Nam	20/09/1987	Phú Khánh	6.57	TB.Khá	nt
106	Đỗ Thị Thu	Hương	Nữ	22/05/1987	Vĩnh Phú	7.13	Khá	nt
107	Hoàng Quang	Huy	Nam	07/08/1985	Thái Bình	5.94	Trung bình	nt
108	Nguyễn Văn	Huỳnh	Nam	09/11/1988	Bắc Giang	6.78	TB.Khá	nt
109	Nguyễn Quốc	Khánh	Nam	02/09/1988	Đắk Lắk	6.52	TB.Khá	nt
110	Lê Tiến	Khương	Nam	21/04/1986	Phú Khánh	5.99	Trung bình	nt
111	Nguyễn Thị Thanh	Loan	Nữ	04/07/1988	Khánh Hòa	6.31	TB.Khá	nt
112	Bùi Văn	Nam	Nam	15/01/1988	Nam Định	6.97	TB.Khá	nt
113	Nguyễn Thị Hằng	Nga	Nữ	19/04/1988	Quảng Bình	7.35	Khá	nt
114	Lê Thị Nguyệt	Ngà	Nữ	17/07/1987	Khánh Hòa	6.94	TB.Khá	nt
115	Đoàn Trọng	Nghĩa	Nam	05/11/1981	Phú Khánh	6.25	TB.Khá	nt
116	Lê Văn	Phú	Nam	27/07/1979	Phú Khánh	6.02	TB.Khá	nt
117	Lê Thị Thanh	Phương	Nữ	28/12/1988	Khánh Hòa	6.85	TB.Khá	nt
118	Trần Thị Thanh	Phương	Nữ	11/10/1988	Quảng Nam Đà Nẵng	7.94	Khá	nt
119	Phạm Thị	Phượng	Nữ	11/11/1987	Quảng Ninh	7.08	Khá	nt
120	Võ Minh	Quốc	Nam	11/10/1985	Phú Khánh	5.92	Trung bình	nt
121	Phan Thế	Sáng	Nam	24/08/1987	Nghệ An	7.14	Khá	nt
122	Lưu Thị Hồng	Thanh	Nữ	20/04/1983	Phú Khánh	6.3	TB.Khá	nt
123	Nguyễn Lê Đông	Thanh	Nữ	28/05/1988	Phú Khánh	6.52	TB.Khá	nt
124	Phùng	Thiên	Nam	25/08/1987	Bình Định	6.19	TB.Khá	nt

TT	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB	Xếp loại	Ghi chú
125	Thái Doãn Thông	Nam	19/07/1987	Nghệ Tĩnh	6.4	TB.Khá	Đ09VTH4
126	Lê Thị Hải Thủy	Nữ	17/11/1988	Nghệ An	7.19	Khá	nt
127	Nguyễn Như Thủy	Nam	26/05/1988	Phú Khánh	6.01	TB.Khá	nt
128	Huỳnh Quốc Toàn	Nam	28/09/1987	Gia Lai	6.52	TB.Khá	nt
129	Trần Thị Thùy Trang	Nữ	18/04/1988	Hà Nam Ninh	6.72	TB.Khá	nt
130	Phan Huy Trung	Nam	26/12/1985	Phú Khánh	6.83	TB.Khá	nt
131	Phạm Minh Tuấn	Nam	12/09/1988	Đồng Nai	5.31	Trung bình	nt
132	Đặng Thanh Tuấn	Nam	20/07/1988	Thanh Hóa	5.83	Trung bình	nt
133	Nguyễn Hữu Anh Tuấn	Nam	01/07/1986	Nghệ An	7.08	Khá	nt
134	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	Nữ	18/01/1987	Phú Khánh	6.89	TB.Khá	nt
135	Phạm Văn Tý	Nam	28/07/1984	Nghệ An	5.67	Trung bình	nt
136	Nguyễn Tuấn Việt	Nam	02/02/1988	Ninh Bình	6.43	TB.Khá	nt

Danh sách gồm 136 sinh viên

Trong đó:

- Khá : 46 sinh viên

- Trung bình khá: 80 sinh viên

- Trung bình: 10 sinh viên

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



TS. Vũ Tuấn Lâm

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC
(Kèm theo Quyết định số 160 /QĐ-HV ngày 21 tháng 03 năm 2012 của Giám đốc Học viện)

Khóa: 2009

Hệ đào tạo: Liên thông từ Cao đẳng lên Đại học

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đơn vị đào tạo: Cơ sở Học viện tại Tp. Hồ Chí Minh

Ngành đào tạo: Công nghệ thông tin

TT	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB	Xếp loại	Ghi chú
1	Phạm Sỹ Cang	Nam	21/08/1987	An Giang	6.77	TB. Khá	Đ09THH1
2	Phạm Quang Cường	Nam	22/10/1984	Bình Định	6.49	TB. Khá	nt
3	Nguyễn Minh Hải	Nam	06/10/1987	Bà Rịa Vũng Tàu	6.20	TB. Khá	nt
4	Vũ Thị Hằng	Nữ	19/07/1987	Bắc Giang	7.30	Khá	nt
5	Trịnh Vĩ Hiên	Nam	17/08/1987	TP.HCM	6.72	TB. Khá	nt
6	Nguyễn Thị Hòa	Nữ	30/04/1985	Tây Ninh	6.84	TB. Khá	nt
7	Nguyễn Đức Kinh	Nam	28/12/1986	Kiên Giang	7.12	Khá	nt
8	Võ Tấn Linh	Nam	31/12/1984	Gia Lai	7.42	Khá	nt
9	Lã Giang Long	Nam	19/05/1987	Hà Nam Ninh	7.37	Khá	nt
10	Dương Minh Lý	Nam	19/08/1987	An Giang	6.64	TB. Khá	nt
11	Nguyễn Đăng Quang	Nam	05/04/1987	Đắk Lắk	6.82	TB. Khá	nt
12	Ngô Bá Quảng	Nam	06/03/1986	Đắk Lắk	6.83	TB. Khá	nt
13	Hồ Thanh Sơn	Nam	03/03/1987	Tp.HCM	6.47	TB. Khá	nt
14	Ngô Thị Thanh	Nữ	06/03/1987	Bà Rịa Vũng Tàu	7.14	Khá	nt
15	Đào Ngọc Sơn Thủy	Nữ	25/03/1987	Tiền Giang	6.92	TB. Khá	nt
16	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Nữ	19/05/1985	Bình Phước	6.98	TB. Khá	nt
17	Tiêu Tôn	Nam	16/10/1983	An Giang	6.41	TB. Khá	nt
18	Phạm Quốc Trọng	Nam	26/10/1987	Sông Bé	6.50	TB. Khá	nt
19	Cao Xuân Trường	Nam	27/07/1987	Đắk Lắk	6.29	TB. Khá	nt
20	Võ Quốc Vương	Nam	20/08/1987	Nghĩa Bình	6.98	TB. Khá	nt
21	Nguyễn Hữu An	Nam	09/01/1988	Tp.HCM	6.73	TB.Khá	Đ09THH2
22	Hà Ngô Bảo Ân	Nam	20/01/1987	Quảng Nam	6.48	TB.Khá	nt
23	Mai Thị Hạnh Dung	Nữ	20/10/1987	Tiền Giang	6.27	TB.Khá	nt
24	Lê Khánh Duy	Nam	02/01/1986	Tp.HCM	6.91	TB.Khá	nt
25	Nguyễn Duy Định	Nam	20/09/1986	Nghĩa Bình	6.64	TB.Khá	nt
26	Nguyễn Dương Hương Giang	Nữ	28/04/1987	Tp.HCM	7.1	Khá	nt

TT	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB	Xếp loại	Ghi chú
27	Lê Văn Hà	Nam	09/09/1988	Thanh Hóa	7.49	Khá	Đ09THH2
28	Nguyễn Huỳnh Thanh Hải	Nam	17/11/1988	Tp.HCM	6.71	TB.Khá	nt
29	Ngô Thị Diệu Hạnh	Nữ	12/08/1982	Quảng Nam - Đà Nẵng	6.32	TB.Khá	nt
30	Trần Vũ Hậu	Nam	03/10/1988	Tp.HCM	7.16	Khá	nt
31	Hồ Đình Hoàn	Nam	22/02/1987	Quảng Nam	6.59	TB.Khá	nt
32	Đỗ Lưu Huỳnh	Nam	29/01/1988	Khánh Hòa	6.77	TB.Khá	nt
33	Nguyễn Lê Khánh	Nam	26/01/1985	Tp.HCM	6.92	TB.Khá	nt
34	Nguyễn Thành Lý	Nam	05/01/1985	Ninh Thuận	6.59	TB.Khá	nt
35	Nguyễn Hồng Minh	Nam	06/10/1987	Tp.HCM	6.5	TB.Khá	nt
36	Hà Thúc Nghĩa	Nam	08/11/1986	Nghĩa Bình	6.39	TB.Khá	nt
37	Nguyễn Thành Nhân	Nam	01/04/1986	Sông Bé	6.77	TB.Khá	nt
38	Lê Tấn Pháp	Nam	29/09/1982	Bến Tre	6.36	TB.Khá	nt
39	Nguyễn Hoàng Phong	Nam	22/05/1986	Bến Tre	6.74	TB.Khá	nt
40	Trần Thanh Phong	Nam	22/10/1986	Tây Ninh	6.62	TB.Khá	nt
41	Nguyễn Hồng Phúc	Nam	18/11/1988	Tp.HCM	6.86	TB.Khá	nt
42	Nguyễn Hương Sen	Nữ	17/02/1988	Cà Mau	6.78	TB.Khá	nt
43	Đỗ Xuân Tân	Nam	23/12/1985	Thuận Hải	6.4	TB.Khá	nt
44	Đào Xuân Thái	Nam	12/02/1987	Lâm Đồng	6.71	TB.Khá	nt
45	Nguyễn Đức Tiến	Nam	26/12/1988	Nghệ An	6.62	TB.Khá	nt
46	Phạm Thị Ngọc Trâm	Nữ	18/11/1988	Tiền Giang	7.21	Khá	nt
47	Trần Thị Thanh Trúc	Nữ	19/01/1988	Trà Vinh	7.68	Khá	nt
48	Lê Minh Tuấn	Nam	10/12/1983	Long An	6.83	TB.Khá	nt
49	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Nữ	04/12/1988	Sông Bé	6.89	TB.Khá	nt
50	Nguyễn Thanh Huyền Vân	Nữ	16/04/1986	TP Hồ Chí Minh	6.92	TB.Khá	nt
51	Lê Thị Hải Yên	Nữ	02/11/1988	Nghệ An	7.52	Khá	nt
52	Trần Nguyễn Phương Trà	Nữ	07/07/1988	Đắk Lắk	7.18	Khá	nt
53	Lê Quỳnh Anh	Nữ	01/01/1988	Phú Khánh	6.00	TB.Khá	Đ09THH3
54	Trương Thị Vân Anh	Nữ	18/02/1987	Nghệ An	6.53	TB.Khá	nt
55	Vũ Thị Lan Anh	Nữ	12/10/1987	Hải Phòng	7.02	Khá	nt
56	Nguyễn Thị Thanh Bình	Nữ	10/02/1987	Ninh Bình	6.33	TB.Khá	nt
57	Cao Quyết Chiến	Nam	02/10/1984	Khánh Hòa	6.01	TB.Khá	nt
58	Nguyễn Quốc Dũng	Nam	19/04/1987	Khánh Hòa	5.78	Trung bình	nt
59	Ngô Thanh Đức	Nam	03/09/1987	Nghệ An	6.58	TB.Khá	nt

TT	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB	Xếp loại	Ghi chú	
60	Trần Thị Tú	Giang	Nữ	19/03/1988	Quảng Ngãi	6.40	TB.Khá	Đ09THH3
61	Trần Thanh	Hần	Nam	30/04/1988	Khánh Hòa	5.69	Trung bình	nt
62	Trịnh Văn	Hiền	Nam	18/07/1987	Ninh Bình	6.60	TB.Khá	nt
63	Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	15/05/1987	Nghệ An	6.23	TB.Khá	nt
64	Trịnh Duy	Hoàng	Nam	12/07/1986	Nam Định	6.64	TB.Khá	nt
65	Hà Đình	Hợp	Nam	01/08/1984	Thanh Hóa	5.80	Trung bình	nt
66	Bùi Đăng Ngọc	Huy	Nam	28/06/1982	Phú Khánh	5.73	Trung bình	nt
67	Thái Thị	Huy	Nữ	15/05/1987	Nghệ An	6.08	TB.Khá	nt
68	Nguyễn Chinh	Khôi	Nam	06/08/1986	Khánh Hòa	5.60	Trung bình	nt
69	Mai Xuân	Kiều	Nam	07/05/1988	Hải Hưng	5.83	Trung bình	nt
70	Nguyễn Đức	Lân	Nam	30/06/1988	Đồng Nai	6.43	TB.Khá	nt
71	Nguyễn Thị	Loan	Nữ	15/07/1988	Hà Nam	6.70	TB.Khá	nt
72	Hà Thị	Lụa	Nữ	29/10/1985	Hải Dương	6.30	TB.Khá	nt
73	Nguyễn Thành	Luân	Nam	18/03/1988	Quảng Bình	6.18	TB.Khá	nt
74	Nguyễn Thị Thanh	Mai	Nữ	01/11/1988	Nghệ An	6.90	TB.Khá	nt
75	Nguyễn Minh	Mẫn	Nam	08/05/1988	Phú Khánh	5.57	Trung bình	nt
76	Võ Hồng	Minh	Nam	02/02/1981	Phú Khánh	6.16	TB.Khá	nt
77	Nguyễn Thị	Nam	Nữ	07/08/1982	Phú Khánh	6.17	TB.Khá	nt
78	Nguyễn Trịnh	Nam	Nam	01/09/1987	Phú Khánh	5.97	Trung bình	nt
79	Nguyễn Viết	Nam	Nam	04/02/1981	Phú Khánh	6.30	TB.Khá	nt
80	Trần Thị	Ngát	Nữ	01/04/1987	Thái Bình	6.49	TB.Khá	nt
81	Trần Thị	Ngát	Nữ	25/10/1987	Ninh Bình	6.62	TB.Khá	nt
82	Nguyễn Thị Ánh	Ngọc	Nữ	30/09/1986	Hà Tây	6.68	TB.Khá	nt
83	Lê Thanh	Nhân	Nam	27/04/1987	Khánh Hòa	6.42	TB.Khá	nt
84	Nguyễn Quang	Nhật	Nam	24/07/1988	Khánh Hòa	6.06	TB.Khá	nt
85	Nguyễn Xuân	Nhật	Nam	19/02/1986	Phú Khánh	6.20	TB.Khá	nt
86	Nguyễn Thị Ngọc	Oanh	Nữ	30/06/1986	Khánh Hòa	6.28	TB.Khá	nt
87	Đỗ Văn Võ	Phú	Nam	04/02/1988	Phú Khánh	6.14	TB.Khá	nt
88	Lưu Quý	Phương	Nam	18/08/1987	Bình Trị Thiên	6.72	TB.Khá	nt
89	Nguyễn Thị Bích	Phượng	Nữ	10/02/1988	Quảng Ngãi	6.12	TB.Khá	nt
90	Lại Thị	Quyên	Nữ	17/11/1988	Hà Nam Ninh	6.63	TB.Khá	nt
91	Hoàng Thị Kim	Thanh	Nữ	21/09/1988	Phú Khánh	7.08	Khá	nt
92	Nguyễn Thị Kim	Thanh	Nữ	01/12/1988	Nam Định	6.74	TB.Khá	nt

TT	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB	Xếp loại	Ghi chú	
93	Nguyễn Diên Đạt	Thành	Nam	03/11/1987	Phú Khánh	5.76	Trung bình	Đ09THH3
94	Nguyễn Thị Hoàng	Thơ	Nữ	18/10/1982	Phú Khánh	6.76	TB.Khá	nt
95	Huỳnh Thị Kim	Thuyền	Nữ	08/02/1987	Quảng Ngãi	6.34	TB.Khá	nt
96	Nguyễn Đức	Tình	Nam	17/05/1988	Phú Khánh	6.82	TB.Khá	nt
97	Bùi Tiến	Toàn	Nam	02/11/1978	Khánh Hòa	6.44	TB.Khá	nt
98	Nguyễn Thị Cẩm	Trang	Nữ	08/06/1988	Hà Tĩnh	6.96	TB.Khá	nt
99	Ninh Thị Kiều	Trang	Nữ	04/11/1988	Nam Định	6.77	TB.Khá	nt
100	Hoàng Tư	Truyền	Nam	20/08/1987	Nghệ An	7.36	Khá	nt
101	Vương Thanh	Tùng	Nam	18/03/1987	Phú Khánh	7.48	Khá	nt
102	Đỗ Xuân	Vi	Nam	01/07/1987	Ninh Bình	6.34	TB.Khá	nt

Danh sách gồm 102 sinh viên

Trong đó:

- Khá : 16 sinh viên
- Trung bình khá: 77 sinh viên
- Trung bình: 11 sinh viên

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



TS. Vũ Tuấn Lâm



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC
(Kèm theo Quyết định số 160/QĐ-HV ngày 21 tháng 03 năm 2012 của Giám đốc Học viện)

Khóa: 2009

Hệ đào tạo: Liên thông từ Cao đẳng lên Đại học

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đơn vị đào tạo: Cơ sở Học viện tại Tp. Hồ Chí Minh

Ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh

TT	Họ và Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	ĐTB	Xếp loại	Ghi chú
1	Trần Phong Đăng	Nam	30/10/1987	TP. HCM	6.02	TB.Khá	Đ09QBH1
2	Nguyễn Thị Thu Hằng	Nữ	19/03/1987	Sông Bé	7.23	Khá	nt
3	Nguyễn Thị Thanh Thúy	Nữ	05/01/1984	Tây Ninh	6.14	TB.Khá	nt
4	Huỳnh Minh Phúc	Nam	30/07/1987	Đồng Tháp	6.61	TB.Khá	nt
5	Đỗ Thị Thiện	Nữ	09/04/1987	Hà Nội	7.24	Khá	nt

Danh sách gồm 05 sinh viên

Trong đó:

- Khá : 02 sinh viên

- Trung bình khá: 03 sinh viên

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



TS. Vũ Tuấn Lâm